

Bản án số: 34/2024/HNGĐ-ST
Ngày 19/9/2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁT XÁT, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Tuyết

Bà Đinh Thị Hạnh

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Minh Lý – Là thư ký của Toà án nhân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 75/2024/TLST-HNGĐ ngày 06/8/2024 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXX-ST ngày 13 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vương Thị T;

Địa chỉ: Tổ 11, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lào Cai;

Nơi ở hiện nay: Thôn G, xã L, huyện V, tỉnh Lào Cai

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thương-Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai

Bị đơn: Anh Bùi Văn P;

Địa chỉ: Tổ 11, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lào Cai

Các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Vương Thị T đều trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 51/2014/QĐHNGĐ-ST ngày 28/11/2014 của Tòa án nhân dân huyện Bát Xát chị Vương Thị T và Bùi Văn P đã ly hôn. Sau khi ly hôn vì nghĩ đến con cái nên chị T và anh P lại quay về chung sống với nhau từ năm

2015. Đến ngày 21/3/20216 chị T và anh P đăng ký kết hôn lại tại UBND xã Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn anh, chị sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do dịch bệnh Covits xảy ra nên kinh tế gia đình khó khăn vợ, chồng xảy ra mâu thuẫn, mỗi lần xảy ra cãi nhau anh P bới móc chuyện tình cảm của chị T trước khi lấy anh P ra để day nghiến làm cho chị T không thể chịu đựng được, sau đó anh P chửi bới bỏ chị T và đánh đập chị T dẫn đến tình cảm vợ, chồng rạn nứt không có hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ, chồng xảy ra bố, mẹ hai bên cùng các anh, chị đã can thiệp hoà giải nhưng cuộc sống gia đình vẫn không cải thiện được mà ngày càng trở lên trầm trọng. Đến tháng 6/2024 chị T bỏ về nhà bà ngoại ở thôn G, xã L, huyện V để sinh sống, còn anh P cùng hai con vẫn sống ở tổ 11, thị trấn B, huyện B và hai người sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị Vương Thị T xét thấy tình cảm vợ, chồng giữa chị và anh P thực sự không còn hạnh phúc, mâu thuẫn gia đình không thể khắc phục được. Chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn P

Về con chung: Chị và anh P có với nhau 02 người con chung là cháu Bùi Vương Minh N, sinh ngày 16/6/2012 và cháu Bùi Vương Gia B, sinh ngày 29/11/2015. Tuy nhiên, đối với cháu Bùi Vương Minh N, sinh ngày 16/6/2012, năm 2014 khi chị và anh P ly hôn Toà án đã giao cháu Bùi Vương Minh N cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18, chị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên chị T không đề nghị Toà án giải quyết. Đối với cháu Bùi Vương Gia B, sinh ngày 29/11/2015. Khi vợ, chồng được ly hôn, chị đề nghị Toà án xem xét cho chị được quyền nuôi dưỡng cháu Bảo cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh P cấp dưỡng tiền nuôi cháu Bảo. Trường hợp anh Bùi Văn P có nguyện vọng nuôi cháu Bảo cho đến khi cháu đủ 18 tuổi chị T nhất trí để anh P nuôi dưỡng và chị T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi cháu Bảo là 2000.000đ/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, vì hiện nay cháu đang ở với anh P.

Về tài sản: Nguyên đơn không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích lợi hợp pháp của nguyên đơn nhất trí đối với các lời khai của nguyên đơn đã trình bày và không có ý kiến gì bổ sung.

Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn anh Bùi Văn P đều trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn P thừa nhận các lời khai của chị Vương Thị T về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ, chồng xảy ra là đúng. Khi vợ, chồng kết hôn lần thứ nhất do cuộc sống không có hạnh phúc nên anh và chị T đã ly hôn với nhau vào năm 2014. Theo quyết định số 51/2014 ngày 28/11/2014 của Toà án nhân dân huyện Bát Xát, Toà án đã giao anh được quyền nuôi dưỡng cháu Bùi Vương Minh N, sinh ngày 16/6/2012 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn vì nghĩ đến con con cái nên anh P và chị T lại qua

về chung sống với nhau và sinh thêm cháu Bùi Vương Gia B, sinh ngày 29/11/2015. Đến ngày 21 tháng 3 năm 2016 anh và chị mới làm thủ tục đăng ký kết hôn lại tại UBND xã Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn anh, chị sống hạnh phúc đến cuối năm năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do dịch bệnh Covits kinh tế gia đình khó khăn, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, trong lúc cãi nhau anh P đã xúc phạm đến danh dự của chị T dẫn đến chị T giận dữ và đi làm thuê ở dưới Hải Phòng. Trong ba năm đầu chị T đi làm dưới Hải phòng tình cảm vợ, chồng vẫn bình thường, không xảy ra mâu thuẫn gì, chị T vẫn gửi tiền về để nuôi con và quan tâm đến cái cái. Đến tháng 06/2023 hai vợ, chồng đi xuống Hà Nội để khám bệnh anh P phát hiện ra chị T không chung thủy nên đã tra hỏi nhưng chị T không thừa nhận, hai người xảy ra cãi nhau, sau đó anh P đã kết nối điện thoại của anh và chị T vào với nhau để theo dõi chị T, thì anh P thấy có một người đàn ông tên Vũ Văn Đ hay chuyển tiền cho chị T, anh P có tra hỏi chị T chị T không nói không có quan hệ gì, chỉ là bạn bè dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi nhau, trong lúc cãi nhau, do tức giận nên anh đã đánh chị T. Đến tháng 3/2024 cháu Bảo bị tai nạn nằm tại viện Hưng Thịnh. Quá trình chăm sóc cháu Bảo tại Bệnh viện vợ chồng anh P vẫn nghi ngờ chị T không chung thủy nên giữa hai người lại tiếp tục xảy ra đánh, cãi chửi nhau. Anh P thừa nhận khi xuống nhà bố, mẹ vợ nhờ bố, mẹ khuyên nhủ chị Th trở về với gia đình nhưng chị T không về lại bị bố vợ chửi do tức giận, không kìm chế được bản thân nên anh P đã chửi bới, xúc phạm đến bố đẻ chị T như chị T trình bày là đúng. Khi mâu thuẫn vợ, chồng xảy gia đình hai bên nội, ngoại đã can thiệp nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn không cải thiện được, chị T bỏ về nhà bố, mẹ đẻ ở thôn G, xã L, huyện V để sinh sống từ tháng 6/2024, còn anh P cùng các con vẫn sống ở tổ 11, thị trấn B, huyện B và hai người sống ly thân từ đó đến nay. Nay, anh Bùi Văn P xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T vẫn còn và cũng vì con cái nên anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho anh và chị T được trở về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái. Trường hợp chị Vương Thị T vẫn cương quyết ly hôn, anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh xác nhận anh và chị T có với nhau 02 con chung là cháu Bùi Vương Minh N, sinh ngày 16/6/2012 và cháu Bùi Vương Gia B, sinh ngày 29/11/2015. Tuy nhiên, đối với cháu Bùi Vương Minh N, sinh ngày 16/6/2012 khi anh và chị T ly hôn năm 2014 anh đã được Toà án giao cho anh là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bùi Vương Minh N cho đến khi cháu đủ 18 tuổi nên anh không đề nghị Toà án giải quyết. Đối với cháu Bùi Vương Gia B, sinh ngày 29/11/2015 nếu vợ chồng phải ly hôn, anh P đề nghị Toà án xem xét cho anh được quyền nuôi dưỡng cháu Bùi Vương Gia B cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị T cấp phải dưỡng tiền nuôi cháu Bảo. Trường hợp chị T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi

cháu Bảo 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi anh cũng không nhất trí, anh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định.

Về tài sản: Bị đơn không đề nghị Tòa án giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ngày 02/8/2024 chị Vương Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bát Xát giải quyết việc ly hôn và nuôi con với anh Bùi Văn P; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 11, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lào Cai. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định mối quan hệ pháp luật, nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bát Xát giải quyết là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vương Thị T và anh Bùi Văn P kết hôn với nhau vào ngày 21/3/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh, chị sống hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ, chồng sống không có sự hòa hợp, anh P luôn nghi ngờ chị T không chung thủy với mình, hai người thường xuyên xảy ra cãi nhau do không tìm được bản thân nên anh P đã xúc phạm, đánh đập chị T dẫn đến tình cảm vợ, chồng rạn nứt không có hạnh phúc. Anh, chị đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2024 đến nay. Hơn nữa, anh chị đã ly hôn với nhau 01 lần vào năm 2014, đến năm 2016 anh, chị đăng ký kết hôn lại. Tuy nhiên, khi quay về chung sống với nhau cuộc sống vợ, chồng vẫn không hạnh phúc. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ, chồng giữa chị Vương Thị T và anh Bùi Văn P đã kéo dài, hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vương Thị T. Xử cho chị Vương Thị T được ly hôn với anh Bùi Văn P là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn xác nhận sau khi kết hôn lại hai người có với nhau 01 người con chung là cháu Bùi Vương Gia B, sinh ngày 29/11/2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu B cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tuy nhiên, tại phiên toà, nguyên đơn đề nghị Tòa án xem xét cho bị đơn anh Bùi Văn P được quyền nuôi dưỡng cháu Bùi Vương Gia B, sinh ngày 29/11/2015 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, vì thực tế khi vợ, chồng ly thân từ tháng 6/2024 đến nay cháu B vẫn đang ở với anh P.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào lời khai và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thấy rằng chị T làm nghề lao động tự do mức thu nhập từ 200.000đ đến

250.000đ/ngày; anh P làm đầu bếp tại Nhà hàng P Nam, địa chỉ số nhà 003, đường Nguyễn Huệ, phường Lào Cai, thành phố Lào Cai mức thu nhập là 14.000.000đ/tháng Tại phiên toà nguyên đơn và bị đơn tự thoả thuận với nhau về quyền nuôi dưỡng cháu Bùi Vương Gia B, sinh ngày 29/11/2015 khi vợ chồng ly hôn. Xét thấy sự thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái với đạo đức, xã hội. Mặt khác, cháu Bùi Vương Gia B hiện nay đang ở với anh Bùi Văn P từ khi vợ, chồng sống ly thân; cháu B cũng có nguyện vọng xin được ở với anh P. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần công nhận sự thoả thuận của các đương sự về quyền nuôi con khi vợ, chồng ly hôn. Giao cháu Bùi Vương Gia B, sinh ngày 29/11/2015 cho anh Bùi Văn P là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân & gia đình.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Bùi Văn P không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi cháu Bảo. Tuy nhiên, tại phiên toà chị Vương Thị T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi cháu Bùi Vương Gia B, sinh ngày 29/11/2015 là 2.000.000đ(*Hai triệu đồng*)/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy sự tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con của chị T là hoàn toàn tự nguyện, không trái với đạo đức xã hội. Hơn nữa, cũng để đảm bảo quyền lợi cho cháu Bảo cũng như nghĩa vụ của Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T là phù hợp với khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Tại phiên toà người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn áp dụng: Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho chị Vương Thị T được ly hôn với anh Bùi Văn P. Về con chung: Công nhận sự thoả thuận của các đương sự về quyền nuôi con: Giao cháu Bùi Vương Gia B, sinh ngày 29/11/2015 cho anh Bùi Văn P là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Tại phiên toà chị Vương Thị T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi cháu B là 2.000.000đ(*Hai triệu đồng*)/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận để đảm bảo quyền lợi cho cháu B.

Về án phí: Chị Vương Thị T thuộc hộ nghèo năm 2014, nên đề nghị Hội đồng xét xử cho chị T được miễn 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Hội đồng xét xử: xét thấy ý kiến của người bảo vệ, quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đối với cháu Bùi Vương Minh N, sinh ngày 16/6/2012, Hội đồng xét xử xét thấy: Năm 2014 chị Vương Thị T và anh Bùi Văn P ly hôn. Tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 51/2014/QĐHNĐ-ST ngày 28/11/2014 kèm theo quyết định sửa chữa, bổ sung quyết định số 01/2024/QĐ-SCBSQĐ ngày 12/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bát Xát thể hiện Tòa án đã giao cháu Bùi Vương Minh N, sinh ngày 16/6/2012 cho anh Bùi Văn P là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi, chị Vương Thị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Đến nay quyết định số 51/2014/QĐHNĐ-ST ngày 28/11/2014 của Tòa án nhân dân huyện Bát Xát hiện nay vẫn có hiệu lực pháp luật, vì vậy anh Bùi Văn P vẫn tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bùi Vương Minh N theo quyết định mà Tòa án đã giao, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với cháu Bùi Vương Minh N trong vụ án này.

[7] Về tài sản: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

[8] Về án phí: Xét đơn đề nghị xin miễn tiền tạm ứng án phí, án phí của chị Vương Thị T và Giấy xác nhận 345/GCN HN-HCN ngày 05/01/2024 của UBND thị trấn Bát Xát, huyện Bát Xát xác nhận chị Vương Thị T thuộc hộ nghèo năm 2024, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Vương Thị T được miễn 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là phù hợp với điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Vương Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vương Thị T được ly hôn với anh Bùi Văn P. Quan hệ hôn nhân của chị Vương Thị T và anh Bùi Văn P chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Công nhận sự thoả thuận của các đương sự như sau:

Giao cháu Bùi Vương Gia B, sinh ngày 29/11/2015 cho anh Bùi Văn P là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Vương Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Bùi Vương Gia Bảo, sinh ngày 29/11/2015 là 2.000.000đ(Hai triệu đồng)/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ly hôn, chị Vương Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày anh Bùi Văn P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Vương Thị T không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự

2.Về án phí: Chị Vương Thị T được miễn 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo Thông báo số 19/TB-TA ngày 06/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai (1);
- VKSND huyện Bát Xát (2);
- Chi cục THADS huyện Bát Xát (1);
- Các đương sự (2);
- UBND xã Trịnh Tường (1);
- (Kết hôn 29/3/2022)
- Lưu Văn phòng (1),
- Lưu hồ sơ vụ án (1);

Nguyễn Thị Thúy Hằng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Hằng

